

LUẬN LẬP THỂ A TỶ ĐÀM

QUYỂN 6

Phẩm 20: VÌ SAO

Vì sao có ngày, vì sao có đêm? Vì có mặt trời nên có đêm, vì có mặt trời nên có ngày; Dục giới có tự tánh tối tăm. Vì ánh sáng mặt trời ẩn nên đó là đêm, vì ánh sáng mặt trời hiện nên là ngày.

Tại sao nửa tối (hắc bán), tại sao nửa sáng (bạch bán)? Do một nửa có ánh sáng mặt trời, do một nửa tối mặt trời. Mặt trăng do thường quay nên dường như mặt trời cũng quay theo, mỗi một ngày gần nhau bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, một ngày cách nhau cũng là như vậy. Nếu lúc gần nhau thì ban ngày mặt trăng bị che khuất mặt trời ba một phần ba do-tuần. Vì việc này nên trăng ngày mười lăm bị che khuất thì ngày là nhật hắc bán mãn. Ban ngày mặt trời cách mặt trăng cũng bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, mặt trời ban ngày chiếu đến mặt trăng ba một phần ba do-tuần. Vì việc này nên mặt trăng ngày mười lăm sáng trong, tròn đầy, thế gian gọi là bạch bán viên mãn. Nếu mặt trời và mặt trăng cùng ở trên một trục gọi là hợp hành, thế gian gọi là nhật hắc bán viên mãn. Mặt trời tùy theo đường đi của mặt trăng mà mặt trời chiếu sáng mặt trăng. Vì ánh sáng mặt trăng nên sự chiếu sáng ấy sinh ra ảnh, ảnh của mặt trăng này tự trở lại che mặt trăng, cho nên thấy phần phía sau mặt trăng không tròn, vì việc này nên dần dần bị che khuất, đến ngày mười lăm che hết mặt trăng, tùy lúc quay về sau mà gọi là hắc bán. Nếu mặt trời đi trước mặt trăng, thì mặt trời ban ngày sáng trong cũng như vậy, đến ngày mười lăm tròn sáng đầy đủ. Lúc đi ở trước thì gọi là bạch bán.

Vì sao mùa Đông gọi là Hê-mạn-đa! Vì lúc này lạnh đã đến, tuyết rơi, cho nên mùa đông gọi là Hê-mạn-đa. Thế gian lập ra tự tánh này gọi là Hê-mạn-đa. Vì sao xuân thời gọi là Cầm-hà! Vì lúc mặt trời

đang chiếu gần là lúc nóng nhất, lúc đang khô, cho nên nói xuân thời là Cầm-hà. Thế gian lập tự tánh này tên là Cầm-hà. Vì sao hạ thời gọi là Bạt-sa? Là lúc trời mưa, là lúc mưa phùn, là lúc đầu năm cho nên gọi là Bạt-sa. Thế gian lập tự tánh là Bạt-sa.

Vì sao mùa đông lạnh, mùa xuân nóng, mùa hạ nóng lạnh? Vì mùa đông thủy giới dài nhất, chưa giảm, cỏ cây còn ẩm ướt, chưa khô héo; địa đại ẩm ướt, hỏa đại giáng xuống, thủy khí bốc lên. Vì sao biết? Vì nước sâu thì ấm nhất, nước cạn thì lạnh, tiết lạnh đã đến, mặt trời quay đường ngoài chiếu nóng không lâu, dương khí ở trong thì thức ăn tiêu nhanh, vì việc này nên mùa đông thì lạnh.

Vì sao mùa xuân nóng? Vì lúc thủy giới dài của Cầm-hà đã giảm, đã hết, cỏ cây khô héo, đất đã khô ráo, thủy khí giáng xuống, hỏa khí bốc lên. Vì sao biết? Vì nước sâu thì lạnh, nước cạn thì nóng, mùa đông đã qua, mặt trời đi đường trong, chiếu nóng thì lâu. Trong thân hỏa kém nên mùa xuân nóng.

Vì sao mùa hạ lại lạnh nóng? Trong ngày tháng tám, đại địa thường nhận sự chiếu nóng, mây lớn giáng mưa lớn rưới khắp địa khí bốc hơi ngàn ngụt. Nếu lúc có gió thổi thì lạnh, nếu gió không thổi thì lúc này nóng, cho nên Bạt-sa có lúc lạnh, lúc nóng.

Vì sao địa ngục gọi là Nê-lê-da? Vì không được sự vui chơi, không có đi ra, không có phước đức, vì không lia bỏ được nghiệp nên sinh ở trong đó. Lại nữa nói đạo này ở trong Dục giới là thấp kém nhất, gọi là phi đạo. Vì việc này nên gọi là Nê-lê-da?

Vì sao cầm thú gọi là Đễ-lật-xa? Vì nghiệp quanh co nên thọ sinh ở trong đó. Lại nữa, vì đạo này, chúng sinh có nhiều sự che chướng thân hành nên gọi là Đễ-lật-xa.

Vì sao gọi Quỷ đạo là Thiểm-đa-diêm-ma-la, vua ở đó gọi là Thiểm-đa, cho nên chúng sinh ở đó đồng loại với vua nên gọi là Thiểm-đa. Lại nữa, đạo này có thể trở về đạo khác, vì thiện ác thông nhau nên gọi là Thiểm-đa.

Vì sao nói đạo A-tu-la gọi là A-tu-la? Vì không thể nhẫn thiện, không thể nhất tâm, chú ý lắng nghe lời thiện và vô số sự giáo hóa mà tâm ấy vẫn không lay chuyển; vì kiêu mạn làm lực sĩ phi thiện; lại vì phi thiện nên gọi là A-tu-la.

Vì sao thiên đạo gọi là Đê-bà? Nói Đê-bà nghĩa là tên khác của thiện hạnh. Vì thiện hạnh nên sinh trong đạo này; lại gọi Đê-bà là quang minh, vì thường có ánh sáng. Lại nữa, Đê-bà gọi là Thánh đạo, lại gọi Đê-bà là ý lạc, lại gọi Đê-bà là thượng đạo, lại gọi Đê-bà là cần

tu, cần nuôi lớn tất cả thiện nghiệp. Vì nghĩa này nên gọi là ĐỀ-bà.

Vì sao gọi nhân đạo là Ma-nô-sa? Một là vì thông minh, hai là vì vượt trội, ba là vì ý vi tế, bốn là vì Chánh giác, năm là trí tuệ tăng thượng, sáu là có thể phân biệt được hư thực, bảy là có thể là pháp khí của Chánh đạo, tám là sinh ra được sự thông tuệ, cho nên nói nhân đạo là Ma-nô-sa. Vì sao cõi này gọi là Diêm-phù-đề? Vì cõi này có cây Diêm-phù nên gọi cõi này là Diêm-phù-đề.

Vì sao gọi là Tây Cù-da-ni? Vì cõi này ở phía Tây Diêm-phù, vật dụng mua bán đều dùng bò, bò gọi là Cù-da-ni, cho nên gọi cõi này là Tây Cù-da-ni.

Vì sao gọi là Đông Tỳ-đề-ha? Vì cõi này ở phía Đông cõi Diêm-phù, có hình dạng đáng yêu, lợi dưỡng vượt trội nên gọi là Tỳ-đề-ha.

Vì sao gọi là Bắc Uất-đơn-việt? Vì cõi này ở phía Bắc cõi Diêm-phù, tâm tính ngay thẳng, hiền lành, lại muốn thắng vượt, tất cả của cải đều hơn hẳn chỗ khác nên gọi là Bắc Uất-đơn-việt.

Vì sao gọi trời thứ nhất là Đại Vương Thiên Đề đầu-tra? Vì Tứ Đại Vương là thượng thủ ở trong đó.

Vì sao gọi trời thứ hai là Dao Lợi? Vì vua trời ba mươi ba làm đế chủ ở trong đó, vua ở địa vị tự tại nên gọi là trời Dao Lợi.

Vì sao gọi trời thứ ba là Dạ-ma? Là tùy theo thời gian ngày đêm, tiết phân, phân độ mà nói như vậy: “Ôi! Vui sướng khó thể nghĩ bàn!” nên gọi là Dạ-ma.

Vì sao gọi trời thứ tư là Đâu-suất-đà? Nghĩa là vui thích, no đủ nơi tài vật mà tự biết đủ, nơi Bát Thánh đạo thì không sinh lòng biết đủ, nên gọi là trời Đâu-suất-đà.

Vì sao gọi trời thứ năm là Duy-ma-la-nặc? Vì Chư thiên trong đó biến hóa như ý tất cả của cải, cung điện, vườn rừng và niềm vui của thọ ở trong đó nên gọi là trời Duy-ma-la-nặc.

Vì sao gọi trời thứ sáu là Ba-la-duy-ma-bà-xa? Vì là biến hóa tất cả lạc cụ, vườn rừng, cung điện của người khác mà tự tại ở trong đó. Đó là ngã sở niềm vui của thọ ở trong đó, cho nên gọi là Ba-la-duy-ma-bà-xa.

Vì sao gọi cõi Phạm thiên thứ nhất là Phạm Tiên Hành? Vì người nào nếu từ Dục giới trước khi vào Sắc giới phải đến chỗ này nên gọi là Phạm Tiên Hành.

Vì sao gọi trời Phạm Thiên thứ hai là Phạm Chúng? Vì quyền thuộc của Đại Phạm Vương rất nhiều nên gọi là Phạm Chúng.

Vì sao gọi cõi Phạm Thiên thứ ba là Đại Phạm? Vì thiên định mà

Đại Phạm Thiên chứng được là trung gian thiên, vượt trên sơ thiên; vì tự tại, không lệ thuộc người khác nên có thể quán biết được việc khác, vì làm chủ việc đã sanh chỗ đáng sanh nên gọi là Đại Phạm.

Vì sao gọi cõi trời đầu tiên của Nhị thiên là Thiếu Quang? Vì lúc nói, trong miệng có phát ra một ít ánh sáng nên gọi là Thiếu Quang.

Vì sao gọi tầng trời thứ hai thuộc cõi Nhị Thiên Thiên là Vô Lượng Quang? Vì chư thiên... này lúc nói ra, trong miệng có vô lượng ánh sáng chiếu ra nên gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Vì sao gọi tầng trời thứ ba của Nhị thiên thiên là Biến Thắng Quang? Vì chư thiên... này lúc nói ra trong miệng phát ra ánh sáng biến khắp tất cả chỗ, tròn đầy không khuyết thiếu nên gọi là Biến Thắng Quang.

Vì sao gọi cõi trời thứ nhất của Đệ tam thiên là Thiếu Tịnh? Vì chư thiên trong đó chỗ niềm vui của thọ còn ít, sự tịch tịnh niềm vui của thọ tương ứng với tam thiên, vì thọ ít tịch lạc nên gọi là Thiếu Tịnh.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai của Đệ tam thiên là Vô Lượng Tịnh? Vì chư thiên ở đây niềm vui của thọ tịch tịnh hơn cõi trước, vì sự niềm vui của thọ tương ứng với tam thiên nên gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

Vì sao gọi cõi trời thứ ba của Đệ tam thiên là Biến Tịnh? Vì chư thiên trong đây niềm vui của thọ biến khắp, thân tâm rất ráo vô dư, niềm vui của thọ tịch tĩnh tương ứng với tam thiên, vì chư thiên niềm vui của thọ này nên gọi là Biến Tịnh Thiên.

Vì sao gọi cõi trời thứ nhất của Đệ tứ thiên là Vô Vân? Vì khổ, lạc diệt trước, phương tiện trước tiên là lắng hết ưu, hỷ, trong đó xả thọ trí niệm thanh tịnh; chư thiên trong đó thọ sự xả thọ này nên gọi là Vô Vân.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai là Sinh Phước? Phước là chỗ sinh các thiên tương ứng với trí, niệm, xả...; đã sinh sự thọ dụng ba chi như vậy nên gọi là trời Sinh Phước.

Vì sao gọi cõi trời thứ ba là Quảng Quả? Quảng nghĩa là dung chứa lớn chỗ sinh công lực quả và báo, hai công lực quả và báo này có thể thấu được định tuệ và ly dục y chỉ nên gọi là Quảng Quả Thiên. Vì sao gọi cõi trời thứ tư là Vô Tướng Thiên? Vì Chư thiên trong đây không có tướng. Cái gì là tướng? Là hai tướng riêng, chung; mỗi một đều có báo dị sinh, vì trong đó không có nên chỉ có sắc ấm và bất tương ứng hành ấm nên gọi là Vô Tướng Thiên.

Vì sao gọi cõi thứ nhất của Na Hàm Thiên là Thiện Hiện? Vì lúc xưa ở nhân địa có thể thấy thật nghĩa không điên đảo, có thể thọ nhận

và có thể hiểu rõ nên gọi là Thiện Hiện.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai gọi là Thiện Kiến? Vì xưa kia ở nhân địa chư thiên ở đây đem tài vật, của cải tứ chi tăng thọ mạng cho người khác và làm việc lợi ích, khéo gìn giữ chân chánh. Ở trong đó sanh chánh kiến không bỏ, không giữ, nhờ nhân ở cõi Thiện Hiện trước và nhân này nên gọi là Thiện Kiến.

Vì sao cõi thứ ba gọi là Bất Phiền? Vì xưa kia ở nhân địa, chư thiên ở đây không hề tổn hại kẻ khác, không có ý chướng ngại, không có ý bức bách. Nhờ nhân cõi Thiện Hiện trước và nghiệp này nên gọi là Bất Phiền.

Vì sao gọi cõi trời thứ tư ở đây gọi là Bất Thiêu? Vì xưa kia ở nhân địa, chư thiên ở đây không thiêu đốt bản thân, không làm cho thân khốn khổ; lại không thiêu đốt và làm khốn khổ kẻ khác, mình và người đều lạc hành, mau chóng thông đạt. Nhờ nhân cõi Thiện Hiện trước và nghiệp này nên gọi là Vô Thiêu.

Vì sao gọi cõi trời thứ năm là A-ca-nị-tra? Ca-nị-tra nghĩa là Hạ Phẩm, vì đều đã qua mười bảy địa trước. Lại có Bát Niết bàn trong đó: từ Hạ Phẩm thiên đến Cứu Cánh thiên; lại có Chư thiên tên là A-ca-nị-tra đến Bát Niết bàn, cho nên gọi là A-ca-nị-tra.

Vì sao gọi cõi trời thứ nhất của Vô sắc giới là Không Vô Biên Nhập? Không là không chỗ làm, không hữu vi, không ngăn ngại, vượt qua tướng ngại và vô số tướng có, tâm sở duyên vào một tướng, không có hai, không có khác. Do nghiệp sinh “không” này, cho nên gọi là Không Vô Biên Nhập.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai là trời Thức Vô Biên Nhập? Thức là ý thức thứ sáu, đây là thức bên trong nên vi tế hơn “không” ở ngoài, vượt qua tướng ngại, vượt qua tướng bên ngoài; vì tâm sở duyên vào một tướng nên không hai, không sót. Do nghiệp sinh thức này, cho nên gọi là Thức Vô Biên Nhập.

Vì sao gọi cõi trời thứ ba là trời Vô Sở Hữu Nhập? Vô Sở Hữu nghĩa là từ bỏ hai tướng thô trước, lia hai tướng bên ngoài này, không có cảnh giới khác, vượt qua tướng trong, ngoài; tâm sở duyên vào một tướng nên không hai không sót. Do nghiệp sinh tâm này, cho nên nói là Vô Sở Hữu Nhập.

Vì sao gọi cõi trời thứ tư là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập? Phi Tướng nghĩa là tướng vi tế, chẳng phải là định của bảy ngôi Thánh trước nên gọi là Phi Tướng. Phi Phi Tướng là như định vô tướng và định vô tâm, như hai định này gọi là vô tướng định, đồng với vô tâm, vì nay

hữu tâm (còn tướng tế), nên gọi là Phi Phi tướng. Vì chỗ sinh định này nên gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập.

Từ cõi Diêm-phù-đề xuống dưới hai vạn do-tuần là đại địa ngục Vô Gián. Từ cõi Diêm-phù-đề trở xuống một vạn do-tuần là địa ngục Dạ Ma thế gian. Ở giữa hai địa ngục này có địa ngục khác nữa. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên bốn vạn do-tuần là cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên tám vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Ba mươi ba. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên mười sáu vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Dạ Ma. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên ba ức hai vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Đâu suất đà. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên sáu ức bốn vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Hóa lạc. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên mười hai ức tám vạn do-tuần là trú xứ của cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

Có Tỳ-kheo hỏi Đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Từ cõi trời Diêm-phù-đề đến trời Phạm xứ là bao xa?” Đức Phật đáp: “Này Tỳ-kheo! Từ cõi Diêm-phù-đề đến Phạm xứ rất xa, rất cao, khác nhau, xa nhau. Này Tỳ-kheo! Ví như có người vào ngày mười lăm tháng chín, lúc trăng tròn ném một hòn đá vuông một trăm trượng (một trượng khoảng 3,2m) xuống giữa không trung không gần chướng của Hạ giới thì đến lúc trăng tròn tháng chín năm sau mới đến Diêm-phù-đề. Phạm xứ và Diêm-phù-đề cách xa như vậy. Từ Phạm xứ đến trời Thiếu Quang lại cách nhau gấp đôi ở trước. Từ cõi trời Thiếu Quang đến cõi trời Vô Lượng Quang lại xa gấp bội. Từ trời Vô Lượng Quang đến trời Biến Thắng Quang lại xa gấp bội. Từ trời Biến Thắng Quang đến trời Thiếu Tịnh lại xa gấp bội. Từ trời Thiếu Tịnh đến trời Vô Lượng Tịnh lại xa gấp bội. Từ trời Vô Lượng Tịnh đến trời Biến Tịnh lại xa gấp bội. Từ trời Biến Tịnh đến trời Vô Vân lại xa gấp bội. Từ trời Vô Vân đến trời Sinh Phước lại xa gấp bội. Từ trời Sinh Phước đến trời Quảng Quả lại xa gấp bội. Từ trời Quảng Quả đến trời Vô Tướng lại xa gấp bội. Từ trời Vô Tướng đến trời Thiện Hiện lại xa gấp bội. Từ trời Thiện Hiện đến trời Thiện Kiến lại xa gấp bội. Từ trời Thiện Kiến đến trời Bất Phiền lại xa gấp bội. Từ trời Bất Phiền đến trời Bất Thiêu lại xa gấp bội. Từ trời Bất Thiêu đến trời A-ca-nị-tra lại xa gấp bội. Đức Phật nói kệ:

Từ A-ca-nị-tra

Đến cõi Diêm-phù-đề

Ném đá núi Đại Mật

Sáu vạn năm nghìn năm

Năm trăm ba mươi lăm

Hư không không chướng ngại

Mới đến nơi Diêm-phù.

Người Diêm-phù-đề nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi rừng cây và vách núi. Nếu người Diêm-phù-đề du hành thì chỉ có thể đến ở Hắc Sơn lớn nhỏ, nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua Tây Cù-da-ni này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi vách núi. Nếu người dạo chơi thì chỉ có thể đến nơi đất liền bờ biển. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua Đông Phất-bà-đề này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi vách núi, nếu dạo chơi thì có thể đến nơi đất liền của núi ấy và bờ biển. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua Uất-đơn-việt này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi vách núi, nếu du hành thì chỉ có thể đến vùng xung quanh của núi ấy. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện của Tứ Đại Thiên vương này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi vách núi, nếu người dạo chơi thì chỉ có thể đến trong núi Thiết Vi. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện chư thiên Đao Lợi này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi vách núi, nếu người du hành thì chỉ đến vùng núi Thiết Vi. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện chư thiên Dạ Ma, Đâu suất Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Phạm Thiên Hành, Phạm Chúng. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi đường vào vách núi, nếu người du hành thì chỉ đến trong một thế giới. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể đến chỗ cung điện của Đại Phạm Thiên Vương. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi rừng cây vách núi, nếu người du hành thì chỉ ở trong một nghìn thế giới. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện từ trời Đệ nhị thiên đến trời A-ni-tra, cũng nói như trên, nếu người du hành thì chỉ ở trong một nghìn thế giới. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua trong đại địa ngục, lấy đại ngục tốt làm vua Phú tự tại. Tất cả cầm thú và thủy La sát lấy vua Bà-lâu-na làm vua Phú tự tại. Các rắn, rồng... lấy long vương Bà-tu-cát làm vua Phú tự tại. Các Đại Long lấy Long Vương Ma-na-tư làm vua Phú tự tại. Các voi, rồng lấy Tượng vương Lôu-xà-kỳ-lợi làm vua Phú tự tại. Các phi điều lấy vua Ca-lâu-la

làm vua Phú tự tại. Chúng sinh đi bốn chân lấy vua sư tử làm vua Phú tự tại. Tất cả Quỷ đạo lấy vua Quỷ tôn làm vua Phú tự tại. Tất cả Tu-la đạo lấy vua Tứ Tu la làm vua Phú tự tại. Trong cõi Diêm-phù-đề: Một là La-hầu, hai là Ba-la-đà, ba là Tỳ-ma-chất-đa, bốn là Bà-lợi-tỳ-lô-giá lấy vua Chuyển luân làm vua Phú tự tại, vua một xứ làm vua Phú tự tại, bậc tôn lão của quốc chúng làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua như mới lập kiếp. Tây Cù-da-ni lấy vua Chuyển Luân làm vua Phú tự tại, bậc tôn lão của quốc chúng làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua như mới lập kiếp. Cõi Đông Phất-bà-đề lấy vua Chuyển Luân làm vua Phú tự tại, bậc trưởng lão của quốc chúng làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua như mới lập kiếp. Cõi Bắc Uất-đơn-việt lấy vua Chuyển luân làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua. Cõi Tứ thiên vương lấy Tứ Đại Thiên Vương làm vua Phú tự tại. Cõi trời Đao Lợi lấy vua trời Ba mươi ba làm vua Phú tự tại. Cõi trời Dạ-ma lấy vua Tu-dạ-ma làm vua Phú tự tại. Cõi trời Đâu-suất-đà lấy vua Thiện Túc Ý làm vua Phú tự tại. Cõi trời Tha Hóa Tự Tại lấy vua Tự Tại làm vua Phú tự tại. Trong tất cả Dục giới lấy vua Hữu Ác Ma làm vua Phú tự tại. Trong một nghìn thế giới lấy Thiên Vương Đại Phạm làm vua Phú tự tại. Thế gian và ma vương chư thiên chỗ Đại Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân thiên lấy pháp Như Lai A-ma-la Tam Miệu Tam Phật Đà làm vua Phú tự tại. Nếu hài nhi đã sinh tròn bốn tháng ở Diêm-phù-đề như trẻ sơ sinh lớn ở Tây Cù-da-ni, trẻ sơ sinh ở Đông Phất-bà-đề như trẻ lớn năm tháng ở Diêm-phù-đề. Nếu trẻ sơ sinh tròn sáu tháng ở Diêm-phù-đề thì như trẻ sơ sinh ở Uất-đơn-việt, như trẻ sáu năm ở Diêm-phù-đề; trẻ ở Tứ Thiên Vương cũng như vậy, trẻ sinh đến ngày thứ bảy lớn như cha mẹ, như trẻ bảy năm ở Diêm-phù-đề. Trẻ sơ sinh ở cõi trời Đao Lợi cũng như vậy, sinh đến ngày thứ bảy... đã thành người, như trẻ sinh tám năm ở Diêm-phù-đề. Trẻ sơ sinh ở cõi trời Dạ-ma cũng vậy, sinh đến ngày thứ bảy... đã thành người lớn, như trẻ năm thứ chín ở Diêm-phù-đề. Trẻ sơ sinh ở trời Đâu-suất-đà cũng như vậy, đến bảy ngày... đã thành người. Từ trời Hóa Lạc đến trời A-ca-ni-tra sinh ra xứng với hình tướng ở đó và liền đầy đủ, ở Diêm-phù-đề một tầm rươi thì ở Tây Cù-da-ni một tầm; ở Tây Cù-da-ni một tầm rươi thì ở Đông Phất-bà-đề một tầm; ở Đông Phất-bà-đề một tầm rươi thì ở Bắc Uất-đơn-việt một tầm; ở trời Tứ Thiên Vương một già-phù-địa một và một phần tư do-tuần; thân Tứ Thiên Vương dài hai già-phù-địa thì ở Chư thiên Đao Lợi dài nửa do-tuần; thân Đế Thích dài ba già-phù-địa Chư thiên Dạ-ma dài một do-tuần; thân trời Đâu-suất-đà dài hai do-tuần thì Chư thiên Hóa Lạc dài bốn

do-tuần; thân trời Tha Hóa Tự Tại dài tám do-tuần thì tất cả Sắc giới đến trời A-ca-nị-tra đều dài mười hai do-tuần; trời Diêm-phù-đề đến trời A-ca-nị-tra tự thân đều dài bốn khuỷu tay. Sắc thân của chúng sanh cõi Diêm-phù-đề có vô số không đồng: chúng sinh da trắng là như nước Da-bà-na, Bà-lợi-kha-chỉ-na..., có chúng sinh da đen như ở nước: Bạt-bà-la, Kiếp-phổ-xà... chúng sinh da xanh như ở nước Đà-mi-la, Tâm-ha-la... Có chúng sinh da đỏ trắng như ở nước Thủ-đà-ha, Tỳ-la...; Có chúng sinh da vàng như ở nước Cơ-la-đa, Kế-tân... Ở Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni chỉ trừ da đen, ngoài ra đều như Diêm-phù-đề. Tất cả nhân dân ở Bắc Uất-đơn-việt đều sáng trong. Cõi trời Tứ Thiên Vương có bốn loại sắc có xanh thắm, vàng, đỏ, trắng. Sắc của tất cả Chư thiên Dục giới đều như vậy.

Vì sao sắc chư thiên có bốn loại? Lúc mới thọ sinh, nếu thấy thân rực rỡ màu xanh thì là sắc xanh, sắc khác cũng như vậy. Y phục người Diêm-phù-đề có áo ca-ba-bà-xô-ma, áo kiêu-xa-da, áo lông, áo vải gai, áo gai, áo cỏ, áo vỏ cây, áo da thú, áo ván gỗ, áo Kiếp-ba-thụ-tử. Y phục người Tây Cù-da-ni, có áo ca-ba-bà, áo xô-ma, áo kiêu-xà-da, áo lông, áo vải gai, áo gai, áo cỏ, áo vỏ cây, áo da thú, áo ván gỗ, áo kiếp-ba-thụ-tử. Người Đông Phất-bà-đề có áo ca-bà-ba, áo xô-ma, áo kiêu-xa-da, áo lông, áo vải gai, áo gai. Người Uất-đơn-việt có áo kiếp-ba-thụ-tử, dài hai mươi khuỷu tay, rộng mười khuỷu tay, nặng một bà-la (một lạng). Trời Tứ Thiên Vương cũng có áo kiếp-bà, dài bốn mươi khuỷu tay, rộng hai mươi khuỷu tay, nặng nửa bà-la. Cõi trời Đạo Lợi cũng có áo trước-kiếp-bà, dài tám mươi khuỷu tay, rộng bốn mươi khuỷu tay, nặng một và một phần tư bà-la. Trời Dạ-ma có áo trước-kiếp-ba dài một trăm sáu mươi khuỷu tay, rộng tám mươi khuỷu tay, nặng một một phần tám bà-la. Cõi trời Đâu-suất-đà có áo trước-kiếp-ba dài ba trăm hai mươi khuỷu tay, rộng một trăm sáu mươi khuỷu tay, rộng một một phần mười sáu bà-la. Cõi trời Hóa Lạc cho đến Tha Hóa Tự Tại có y phục lớn nhỏ tùy ý, nặng nhẹ cũng vậy. Y phục người Diêm-phù-đề trang sức vô số không đồng, hoặc có người tóc dài làm hai búi (tóc), hoặc có người cạo râu tóc, hoặc có người giữ lại một búi tóc ở trên đỉnh đầu, ngoài ra đều cạo hết gọi là Chu-la-kế, hoặc có người nhổ bỏ râu tóc, hoặc có người cắt râu cắt tóc, hoặc có người bện tóc, hoặc có người trùm đầu tóc, hoặc có người cắt trước trùm sau cho tròn, hoặc có người khỏa hình, hoặc có người mặc áo quần che trên hở dưới, hoặc có người hở trên che dưới, hoặc trên dưới đều che, hoặc trước sau không chướng. Người Tây Cù-da-ni trang sức đều trùm đầu tóc, mặc áo quần trên dưới. Như người ở

nước Thủ-đà-a-tỳ-la, Đông Phát-bà-đề trang sức đầu tóc bằng cách cắt trước trùn sau, hai áo trên dưới: mặc áo dưới, áo trên chỉ quấn mà thôi, như sự trang sức của hai nước Ưng-già-ma, Già-đà. Người ở Bắc Uất-đơn-việt trang sức tóc râu, tô điểm lông mày, thường như cắt lưa mỏng, năm ngày tự nhiên đầu tóc dài, dài ra bầy lông tay không có tăng giảm. Ở cõi trời Tứ Thiên Vương trang sức vô số loại không đồng, hoặc có người phân tóc ra làm hai búi, hoặc có người cạo hết râu tóc, hoặc để lại một búi tóc trên đỉnh đầu, tóc còn lại đều cạo hết, gọi là Chu-la-kế, hoặc nhổ bỏ râu tóc, hoặc có người cắt tóc cắt râu, hoặc có người bện tóc, hoặc có người trùn đầu tóc, hoặc có người cắt trước trùn sau cho tròn, hoặc có người khỏa hình, hoặc có người mặc áo quần che trên hở dưới, hoặc có người hở trên che dưới, hoặc trên dưới đều che, hoặc trước sau không chướng. Chư thiên Dục giới trang sức cũng như vậy, chư thiên sắc giới không mặc nhưng cũng như mặc áo quần không sót, đầu tuy không để búi tóc trên đỉnh nhưng tựa như mũ trời, vượt qua tướng nam nữ, thân hình chỉ một loại. Người Diêm-phù-đề ăn thức ăn: gạo, nếp, lúa mì, bột mì, thịt, cá, tể-khư-đà-ni, quả-khư-đà-ni. Thức ăn uống người Tây Cù-da-ni: lúa nếp, lúa mì, bột mì, cá, thịt, tể-khư-đà-ni, căn-khư-đà-ni, quả-khư-đà-ni, trong đó pho-mát là nhiều nhất. Người Đông Phát-bà-đề ăn thức ăn: gạo nếp, lúa mì, bột mì, cá, thịt, tể-khư-đà-ni, căn-khư-đà-ni, quả-khư-đà-ni, trong đó ăn nhiều nhất là gạo nếp xa-lợi. Người ở Bắc Uất-đơn-việt ăn thức ăn: gạo nếp xa-lợi, không trồng mà tự mọc, không lép không vụn, cũng không có cám, gạo tự nhiên sạch, sắc, hương, vị, xúc đều rất tuyệt diệu, như mùi vị mật ong dịu ngọt. Trong đó có một cây tên là Đôn-trị-chỉ-la, cây này sinh trái, hình như cái nôi. Nếu người nào muốn ăn thì lấy quả này đổ nước đầy. Lại có đá tên là Thụ-đề, lấy quả này đặt tên đá, đá tự sinh ra lửa, người này đem gạo xa-lợi bỏ vào trong nôi, không nhọc phải đong lường mà tự nhiên đầy nôi, lúc thức ăn chín, đá tự trở lại lạnh, nhưng dùng cái nôi trước mà đựng đầy tuần tự. Nếu người khác đến cần thức ăn thì tùy ý mà lấy, không cần phải tác ý: “Người kia thí cho, ta là người ăn”, cũng không cần tác ý: “Nay ta bố thí cho kẻ kia”. Lúc thức ăn làm xong thì bỏ đó mà đi, đất nứt ra nhận những vật dụng và đồ ăn thừa rồi khép lại như cũ. Trời Tứ Thiên Vương đều ăn vị Tu-đà, sáng ăn một bữa, chiều ăn một bữa, ăn vào cơ thể rồi hoá chuyển các thân phần. Vườn rừng, ao hồ đều tự nhiên sinh vị Tu-đà này, vị Tu-đà này cũng có thể hóa làm tám loại thức ăn như khư-đà-ni... Thức ăn của tất cả chư thiên Dục giới cũng như vậy, chư thiên Sắc giới từ trong Sơ thiên cho đến cõi

Biển Tịnh lấy hỷ lạc làm thức ăn, chư thiên từ đó trở lên dùng ý làm thức ăn. Người Diêm-phù-đề mua bán rộng rãi hàng hóa như: vàng bạc, lúa gạo..., hoặc vô số sản phẩm, chân kim, ma-ni, vô số các báu, hoặc dùng chúng sinh mà mua bán. Mua bán hàng hóa ở Tây Cù-da-ni chỉ dùng bò làm ngân lượng. Ở Đông Phát-bà-đề dùng lúa gạo để trao đổi, mua bán hàng hóa; Ở Bắc Uất-đơn-việt không có mua bán, đổi chác. Ở trời Tứ Thiên Vương cũng có mua bán sản vật rộng rãi như: vàng bạc, lúa gạo... hoặc các hàng hóa trao đổi: chân châu, ma-ni, vô số các báu, hoặc dùng chúng sinh làm vật mua bán, đổi chác. Tất cả Chư thiên Dục giới lại cũng như vậy, Sắc giới thì không đồng với Uất-đơn-việt. Người Diêm-phù-đề hoặc tự sát sinh, hoặc bảo người khác giết để ăn thịt, ở Tây Cù-da-ni cũng lại như vậy. Người Đông Phát-bà-đề tự mình không sát sinh, không bảo người khác sát, nếu có tự chết thì ăn thịt. Người ở Bắc Uất-đơn-việt không tự mình sát sinh, không bảo người khác sát sinh và cũng không ăn thịt. Cõi trời Tứ Thiên Vương tự mình sát sinh, bảo người khác giết mà không ăn thịt. Chư thiên Đao Lợi tự mình có sát, khiến người khác sát mà không ăn thịt. Từ cõi trời Dạ-ma đến trời A-ca-ni-tra không tự mình giết, không bảo người giết và cũng không ăn thịt. Người Diêm-phù-đề nếu quyến thuộc chết, tống táng vào núi thiêu tử thi, hoặc đặt trong nước, hoặc chôn trong đất, hoặc rải vào hư không; ở Tây Cù-da-ni và Đông Phát-bà-đề cũng lại như vậy. Người ở Bắc Uất-đơn-việt nếu quyến thuộc chết, không tống táng, không thiêu, không bỏ, như ánh sáng lặn thì không thấy có hình hài, tất cả chư thiên trên ấy đều như vậy. Trong Diêm-phù-đề có năm loại cây: cây vàng, cây bạc, cây pha-lê-kha, cây lưu ly, cây ha-lợi-đa; cây ở Tây Cù-da-ni và Đông Phát-bà-đề cũng lại như vậy. Bắc Uất-đơn-việt chỉ có cây La-lợi-đa, còn bốn cây khác thì không có. Cõi trời Tứ Thiên Vương cũng có năm loại cây báu đều nói như trên; tất cả chư thiên Dục giới có năm loại cây cũng như vậy. Trong cõi trời Sắc giới đều không có cây. Trong Diêm-phù-đề có năm loại hoa: vàng, bạc, pha-lê-kha, lưu-ly, ha-lị-đa; ở Tây Cù-da-ni và Đông Phát-bà-đề cũng như vậy.

Ở Bắc Uất-đơn-việt có cây tên là Tán-đa-na, hoa của cây này đều bằng báu ha-lị-đa. Trời Tứ Thiên Vương đều có năm loại hoa; tất cả Dục giới cũng lại như vậy, sắc giới đều không. Trong Diêm-phù-đề có cung điện: vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê-kha, ha-lị-đa, có cung điện rừng cây, hoặc có động đá, nhà đất; ở Tây Cù-da-ni cũng như vậy. Cung điện ở Đông Phát-bà-đề đều bằng vàng, không có loại khác. Ở Bắc Uất-đơn-việt có cây tên là Mạn-thù-sa, cao như đại điện, từng lớp lá che nhau,

gió sương không xâm tổn được, tất cả mọi người dùng là, trụ nhà. Trời Tứ Thiên Vương có năm loại cung điện: vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê-kha, ha-lị-đa; tất cả chư thiên Đục giới cũng lại như vậy. Chư thiên Sắc giới có các cung điện đều bằng báu sắc trắng. Trong đó có chư thiên thuở xưa tại nhân địa, với tâm keo kiệt mà hành bố thí để vọng cầu quả báu, nay ở nơi quả địa có cung điện tối tăm, không thể sáng sửa. Nếu chư thiên này ở trong nhân địa không có tâm keo kiệt mà hành bố thí, không vọng cầu quả báu tương lai và suy nghĩ: “Ta không có tâm keo kiệt kia, ta có làm chủ được việc kia chăng!”. Đó là đạo lý chân chánh, là tương ứng với pháp. Hoặc người làm chủ bố thí cho người không làm chủ, hoặc hành bố thí với tâm tịnh, an ổn, vì tâm trang nghiêm, vì tâm sáng trong, vì hành bố thí với tâm này nên ở trong quả địa được cung điện ánh sáng vi diệu, không có u tối. Người Diêm-phù-đề nếu lìa thần thông và nhân của công lực khác thì không thể thấy rõ sắc thành rào cây bên ngoài của vách núi... Người ở Tây Cù-da-ni, Đông Phất-bà-đề, Bắc Uất-đơn-việt nếu lìa công lực khác thì không thể rõ sắc thành rào cây bên ngoài của vách núi... Trời Tứ Thiên Vương nếu lìa thần thông và công lực khác thì ở nơi chỗ của mình không thể thấy sắc của tường và cây rào bên ngoài của vách núi... nếu lúc nhìn xa, thì chỉ thấy sắc trong núi Thiết Vi. Chư thiên Đạo Lợi ở trong cung điện của mình nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy hết bên ngoài núi này. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy màu tường rào bằng cây bên ngoài của vách núi, nếu lúc nhìn xa chỉ thấy bên trong núi Thiết Vi. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy núi bên ngoài Thiết Vi, từ trời Dạ-ma cho đến trời Phạm chúng đều như vậy. Đại Phạm Thiên Vương ở chỗ cung điện của mình nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy được màu sắc tường rào bằng cây bên ngoài của vách núi..., nếu lúc nhìn xa thì chỉ thấy trong một nghìn thế giới. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy hết người Diêm-phù-đề, nếu tìm người nữ khác, nhà người nữ hứa khả mới được đón tiếp, hoặc có mua thiệp, hoặc có bán nô tỳ. Ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng lại như vậy. Người Bắc Uất-đơn-việt không tìm người nữ khác, cũng không đón vợ, không mua, không bán. Nếu người nam lúc muốn cưới vợ thì phải nhìn kỹ người nữ kia, nếu lúc người nữ mến chuộng người nam cũng cần nhìn kỹ. Nếu người nữ không thấy người nam nhìn, người nữ khác nói: “Người nhìn bạn, tức là vợ chồng”. Nếu người nam không thấy người nữ nhìn, người nam khác đáp: “Người này nhìn bạn, cũng là vợ chồng rồi”. Nếu tự thấy nhau liền theo nhau đến

một chỗ khác. Trời Tứ Thiên Vương nếu tìm Thiên nữ, nhà người nữ hứa khả mới được nghinh tiếp, hoặc đổi, hoặc bán. Tất cả chư thiên Dục giới cũng lại như vậy. Trong cõi Diêm-phù-đề lấy căn nam và nữ để hòa hợp nhau. Ở Đông Phất-bà-đề, Tây Cù-da-ni, Bắc Uất-đơn-việt cũng đều như vậy, nam nữ trời Tứ Thiên Vương và trời Đạo Lợi hòa hợp cũng lại như vậy. Chư thiên Dạ ma lấy tướng bế ẵm làm dục, chư thiên Đâu-suất-đà lấy sự nắm tay làm dục, chư thiên Hóa Lạc lấy sự cùng cười làm dục, chư thiên Tha Hóa Tự Tại lấy sự nhìn nhau làm dục. Người Tây Cù-da-ni thọ các dục lạc lại gấp hai lần người Diêm-phù-đề, cho đến dục của chư thiên Tha Hóa Tự Tại gấp đôi trời Hóa Lạc. Người nữ Diêm-phù-đề ăn thức ăn dở có mang thai, có sinh sản, có cho con bú, ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng lại như vậy. Người nữ Bắc Uất-đơn-việt ăn thức ăn dở, có mang thai, có sinh sản, chỉ có không cho con bú. Nếu sinh con trai và con gái thì đem đặt ngoài ngã tư đường, người mẹ dùng ngón tay chỉ vào trong miệng đứa trẻ ấy, người qua đường cũng dùng tay chỉ vào trong miệng đứa trẻ, nhờ ngón tay này chạm vào thân mà thân được lớn lên. Người nam và nữ ở Uất-đơn-việt sống riêng, không sống lẫn lộn với nhau. Nếu lúc người nam sinh bảy ngày sẽ trở thành người nhập vào cộng đồng người nam, nếu người nữ sinh bảy ngày sẽ trở thành người nhập vào nhóm nữ. Nếu người nam và nữ mới khởi dục ý dắt nhau đến dưới cây, cây Mạn-thù-sa này liền che chở, việc dục liền thành, nếu không che chở thì mỗi một liền xa cách nhau, biết việc này là tà dâm liền không dám phạm. Các Thiên nữ ở chỗ Tứ Thiên Vương không có ăn đồ dở, không có mang thai, cũng không sinh đẻ, cũng không cho trẻ con bú. Chư thiên nam nữ, hoặc ở trên đầu gối, hoặc ở chỗ mắt đều sinh ra con được. Nếu sinh ở nơi đầu gối và nơi mắt người mẹ thì Thiên nữ tác ý: “Đây là con của ta”, Thiên tử cũng nói: “Đây là con của ta” thì chỉ có một cha một mẹ. Nếu sinh ở trên đầu gối và ở chỗ mắt người cha thì chỉ có một cha mà các thê thiếp đều là mẹ. Người Diêm-phù-đề có dục sự một đời vô số vô lượng, cũng có những người tu hạnh thanh tịnh đến chết cũng không có dục. Ở Tây Cù-da-ni, người đa dục thì có số dục trong một đời là mười hai, người dục hạng trung có số lần là mười, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh, đến lúc chết cũng không có dục. Người đa dục ở Đông Phất-bà-đề trong một đời có số lần dục là bảy lần, hạng bậc trung khoảng năm, sáu lần, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh đến lúc chết vẫn vô dục. Ở Uất-đơn-việt, người đa dục ở trong một đời có số lần dục chỉ năm, hạng trung khoảng ba bốn lần, cũng có những người tu hành

hạnh thanh tịnh đến lúc chết vẫn vô dục. Cõi trời Tứ Thiên Vương có dục sự trong một đời đến vô lượng vô số, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh đến lúc chết vẫn vô dục. Tất cả chư thiên Dục giới cũng như vậy. Phàm tất cả người nữ lấy xúc làm vui, tất cả người nam lúc xuất sự bất tịnh làm vui, hoặc tất cả người nam lấy sự bất tịnh làm dục, hoặc dục của chư thiên lấy sự bất tiết khí làm vui. Người Diêm-phù-đề có ba nhân duyên hơn người Uất-đơn-việt và trời Đao Lợi. Những gì là ba? Một là dũng mãnh, hai là ghi nhớ, ba là trong đó có người trú Phạm hạnh. Người Uất-đơn-việt có ba nhân duyên hơn người Diêm-phù-đề và trời Đao Lợi: một là không có ngã sở, không tích chứa, hai là tuổi thọ vững chắc một nghìn năm, ba là về sau sẽ được lên trời Đao Lợi. Chư thiên có ba nhân duyên vượt trội ở Diêm-phù-đề và Uất-đơn-việt: một là thọ lượng dài lâu, hai là hình tướng đặc biệt, ba là vui thích rất nhiều. Nghĩa này chư Phật Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

